

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 469/2020/TLST-HNGĐ ngày 19/10/2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh La Quốc Vĩnh R, sinh năm 1981; địa chỉ: đường O, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

2. Chị Bùi Thị Hằng Q, sinh năm 1982; địa chỉ: đường O, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh La Quốc Vĩnh R và chị Bùi Thị Hằng Q có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Sịa, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên H vào ngày 02/4/2007. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, không chia sẻ được cuộc sống với nhau. Hiện nay, vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm nhau nữa. Nay vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh R và chị Q không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh R và chị Q được ly hôn.

[2] Về con chung: Anh La Quốc Vĩnh R và chị Bùi Thị Hằng Q xác nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung:

1. La Tuệ N, sinh ngày 01/01/2008;

2. La Quốc E, sinh ngày 01/01/2014;

Vợ chồng tự nguyện thỏa thuận: Giao 02 cháu La Tuệ N, La Quốc E cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. giáo dục đến đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh R có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/02 cháu.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh La Quốc Vĩnh R và chị Bùi Thị Hằng Q xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Toà án: Anh La Quốc Vĩnh R và chị Bùi Thị Hằng Q mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, anh R và chị Q đã nộp tạm ứng lệ phí là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số AA/2016/0000516 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh La Quốc Vĩnh R và chị Bùi Thị Hằng Q thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh La Quốc Vĩnh R và chị Bùi Thị Hằng Q xác nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung:

1. La Tuệ N, sinh ngày 01/01/2008;

2. La Quốc E, sinh ngày 01/01/2014;

Vợ chồng tự nguyện thỏa thuận: Giao 02 cháu La Tuệ N, La Quốc E cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh R có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/02 cháu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh La Quốc Vĩnh R và chị Bùi Thị Hằng Q xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh La Quốc Vĩnh R và chị Bùi Thị Hằng Q mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, anh R và chị Q đã nộp tạm ứng lệ phí là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số AA/2016/0000516 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSNDTP H;
- THATP H;
- TAND Tỉnh TTH;
- UBND thị trấn Sĩa, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên H (tại quyển 01/2007, số 31);
- Lưu.

THẨM PHÁN

Tôn Minh Hiền